**ĐƯỜNG LỐI VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**PHẦN: VĂN HÓA**

**Câu 4: Phân tích các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng nền văn hoá Việt Nam trong tình hình mới? Trình bày phương hướng và nhiệm vụ của việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc?**

Dàn ý:

* Thực trạng xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc: Thành tựu, Hạn chế
* Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng nền văn hoá Việt Nam: Làm rõ 5 quan điểm ( NQ TW 9 khoá XI)
* Trình bày phương hướng và nhiệm vụ của việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc: 6 nhiệm vụ; 4 giải pháp.

Giải quyết vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, cụ thể đã đạt được những thành tựu sau:

. Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên.

. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành.

. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ.

. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng...

. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa.

. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm.

. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện.

. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành; quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng.

. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc.

Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa còn có những hạn chế chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng.

Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn.

Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng.

Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác.

Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn.

Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng.

Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế, bất cập. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên đây chủ yếu là do nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này; lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ và trong một số trường hợp thiếu khả thi. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Chưa quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

*Từ thực trạng nêu trên, tại Hội nghị TW 9 khóa XI về xây dựng và phát triển VH, con người VN đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Đảng ta đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo là:*

***1-Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.***

* VH là nền tảng tinh thần của XH:

Theo UNESCO, VH phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại; qua hàng bao thế kỷ nó cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và lối sống mà trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.

Các giá trị nói trên tạo thành nền tảng tinh thần của XH vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cộng động dân tộc. Nó được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ người VN.

Vì vậy, chúng ta chủ trương làm cho VH thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống XH để các giá trị VH trở thành nền tảng tinh thần vững bền của XH, trở thành động lực phát triển KTXH.

* Văn hóa là động lực phát triển bền vững đất nước

Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một dân tộc thấm sâu trong VH. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới nhưng lại không thể tách khỏi cội nguồn, phát triển phải dựa trên cội nguồn. Cội nguồn đó của mỗi quóc gia dân tộc là VH.

Kinh nghiệm đổi mới ở nước ta cũng chứng tỏ rằng, ngay bản thân sự phát triển KT cũng không chỉ do các nhân tố thuần túy kinh tế tạo ra, mà động lực của sự đổi mới KT một phần quan trọng nằm trong những giá trị VH đang được phát huy.

Trong nền KT thị trường, một mặt VH dựa vào tiêu chuẩn cái đúng, cái tốt, cái đẹp, đểhướng dẫn và thúc đẩy người lao động không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề, SX ra hàng hóa với số lượng và chất lượng cao đáp ứng yêu cầu XH. Mặt khác, VH sử dụng sức mạnh của các giá trị truyền thống để hạn chế xu hướng sùng bái lợi ích vật chất dẫn tới suy thoái XH.

Trong vấn đề bảo vệ mội trường vì sự phát triển bền vững, VH giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của “XH tiêu thụ” dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

* Văn hóa là mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Mục tiêu XD một nước VN “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là mục tiêu của VH.

Thực tế nhiều nước cho thấy mối quan hệ giữa VH và phát triển là vấn đề bức xúc. Sau khi thoát khỏi ách thống trị của CN thực dân, các nước độc lập đang tìm tới con đường dẫn tới ấm no hạnh phúc, thì việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa VH và phát triển KT XH càng có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, trong nhận thức và hành động, mục tiêu KT vẫn thường lấn át mục tiêu VH và thường được đặt vào vị trí ưu tiên trong các kế hoạch, chính sách phát triển của nhiều quốc gia, nhất là các nước nghèo đang phát triển theo con đường CNH.

Để làm cho VH trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển chúng ta chủ trương phát triển VH gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển KT – XH. Cụ thể là:

Khi xác định mục tiêu giải pháp phát triển VH phải căn cứ và hướng tới mục tiêu giải pháp phát triển KT – XH, làm cho phát triển VH trở thành động lực thúc đẩy phát triển KT-XH.

Khi xác định mục tiêu phát triển KT XH phải đồng thời xác định mục tiêu VH, hướng tới “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

* Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Việc nhấn mạnh ý nghĩa của cụm từ “Đặt ngang hàng” có nguyên nhân vì lâu nay VH chưa được quan tâm phát triển đúng mức, rất nhiều ngành, nhiều đơn vị chỉ mải mê tập trung phát triển nghiêng về KT. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc XH nảy sinh rất nhiều bất cập bởi sự phát triển không đồng đều trong các mục tiêu phát triển giữa KT, VH, chính trị, XH.

Cần hiểu rằng việc đặt VH ngang hàng với KT, chính trị, XH không có nghĩa là làm cho KT, CT, XH và VH “dàn hàng ngang cùng tiến” hay là “cào bằng” mà phải tùy theo thời gian, vị trí, vai trò, tác dụng của từng nhân tố để xác định đúng và trúng trọng tâm, trọng điểm đầu tư phát triển cho phù hợp, bảo đảm sự cân đối, hài hòa, tính hiệu quả của đầu tư, phù hợp với điều kiện lịch sử cho phép.

Việc quan tâm chăm lo phát triển các yếu tố VH và con người trong phát triển KT – XH là cơ sở chắc chắn nhất để giữ vững sự ổn định chính trị, môi trường hòa bình, tính ưu việt, sự khoan dung, tinh thần nhân văn, dân chủ và khoa học ở nước ta – cái nhân cốt tạo dựng, làm nên một nước VN mới theo định hướng XHCN.

Quan điểm coi VH là nguồn lực để PT KT-XH là quan điểm khoa học, hiện đại và mang tính thực tiễn cao, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH gắn với KT tri thức và hội nhập QT hiện nay. Chúng ta phải đặc biệt chú trọng nâng cao tầm nhìn, tìm VH trong các chủ trương, chính sách của Đảng và NN ở tất cả các linh vực khác nhau. Hiểu biết sâu sắc thời đại và dân tộc là điểm xuất phát quan trọng để chúng ta đề ra được hủ trương và hành động đúng. Quan điểm này xác định vai trò đặc biệt quan trong của VH trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay. Mục tiêu của sự nghiệp đổi mới là phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, trong đó phải giải quyết hài hòa giữa sự phát triển Kt và VH, đảm bảo cho đất nước phát triển bền vững và lâu dài. Mọi hoạt động KT phải đặt con người ở vị trí trung tâm của sự phát triển, vừa phải chú ý đến hiệu quả KT, vừa phải chú ý đến hiệu quả XH và VH. Đồng thời, phải chú trọng khai thác VH như một nguồn lực đặc biệt để phát triển KT – XH, nhất là phát triển các ngành công nghiệp VH, dịch vụ VH và du lịch VH…. Như vậy, VH không phải là kết quả thụ động của nền KT mà là nguyên nhân, động lực thúc đẩy sự PT KT – XH. Ngày nay, trong xu thế giao lưu, hội nhập toàn cầu, VH không chỉ là mục tiêu, động lực để phát triển KT-XH mà nó là nguồn lực nội sinh quan trọng, tác động trực tiếp và gián tiếp vào quá trình ỏn định, tăng trưởng bền vững của quốc gia, làm nên sức mạnh của dân tộc. Những kinh nghiệm trong chính sách phát triển VH của Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore… trong những thập niên vừa qua, cho thấy chiến lược về phát triển, quảng bá nguồn lực “sức mạnh mềm” của VH như: phát triển mạnh công nghiệp giải trí, truyền hình, điện ảnh, thời trang; xúc tiến có hiệu quả các hoạt động ngoại giao VH, tổ chức các sự kiện năm VH, tuần lễ VH trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy việc quảng bá VH – du lịch, đã mang lại nguồn thu nhập lớn, thúc đẩy tăng trưởng KT, tạo dựng được uy tín và hình ảnh tốt đẹp về quốc gia trong lòng bạn bè quốc tế.

***2- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.***

Quan điểm này xác định phương hướng và đặc trưng của nền VH VN mà chúng ta tập trung XD trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Trình độ tiên tiến của nền VH phải thống nhất với bản sắc VH dân tộc và khẳng định tầm vóc, vị thế của VH dân tộc trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

Hiện nay xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập KT quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đối với đời sống VH của đất nước Toàn cầu hóa, khu vực hóa là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực tác động đến nền VH dân tộc. Chúng ta kiên quyết chống sự áp đặt các giá trị VH, đạo đức, lối sống theo lối “Âu hóa, Mỹ hóa”. Mặt khác, chúng ta cần chủ động học tập, tiếp thu những giá trị tích cực, những tinh hoa của VH nhân loại để làm giàu cho mình, tránh tư tưởng khép kín, bài ngoại.

Đảng ta khẳng định nền VH mà chúng ta XD là nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền VH tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền VH yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trên cơ sở CN Mác – Lê nin và tư tưởng HCM. Đây là nền VH mang tính dân chủ và nhân văn sâu sắc, tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ, văn minh. Đồng thời đây cũng là nền VH hiện đại, hiện đại về nội dung, hình thức thể hiện cũng như hiện đại về cơ sở vật chất kỹ thuật để chuyển tải nội dung. Tính chất tiên tiến phải thống nhất hữu cơ với tính chất dân tộc. Bản sắc VH dân tộc là sự thống nhất giữa nội dung và hình thức của nền VH, thống nhất giữa trình độ tư duy, cách cảm nhận, cách suy nghĩ, triết lý sống, ý chí và bản lĩnh, cốt cách, nhân cách, phẩm chất của nền VH với hình thức biểu hiện bên ngoài của nó,

Đảng ta chỉ rõ: “Bẳn sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc VH được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nông nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần doàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình làng xã – tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc VH dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”

Bản sắc VH dân tộc không phải nhất thành bất biến mà nó mang tính lịch sử - cụ thể, luôn luôn tự đổi mới trên cơ sở loại bỏ những yếu tố tiêu cực và lạc hậu, sáng tạo và XD các giá trị VH mới thích ứng với yêu cầu biến đổi của thời đại. Vì vậy, bảo vệ bản sắc VH dân tộc phải gắn liền với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong VH các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc phải đi liền với việc chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán, lề thói cũ.

***3- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.***

Việc phát triển KT-XH cần đến nhiều nguồn lực khác nhau như tài nguyên, vốn…. Những nguồn lực này đều có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có tri thức con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt. Các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng.

Về XD nhân cách con người VN trog thời kỳ mới, nhiệm vụ đầu tiên Nghị quyết đã đặt nhiệm vụ XD con người VN phát triển toàn diện ở vị trí hàng đầu trong nhóm các nhiệm vụ, mà trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách; hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc XD con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân – thiện – mỹ; gắn XD, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; XD và phát huy lối sống “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng giá trị cao đẹp, nhân văn; đúc kết và XD hệ giá trị chuẩn của con người VN thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

***4 - Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.***

Môi trường VH là một tổng thể ổn định những yêu tố vật thể và nhân cách, nhờ đó các cá thể tác động lẫn nhau. Chúng ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và sáng tạo giá trị VH, tới nhu cầu tinh thần, hứng thú và định hướng giá trị của họ. Môi trường VH không chỉ là tổng hợp những yếu tố VH vật thể mà còn có những con người hiện diện VH.

Môi trường VH góp phần làm cho con người phát triển với đúng tính chất XH của nó. Môi trường VH lành mạnh, hài hòa, phong phú và đa dạng chính là chiếc “nôi nuôi dưỡng con người về mọi mặt”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của BCH TW Đảng CSVN khóa VII đã xác định nhiệm vụ “Xây dựng MTVH” với nội dung như sau: Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội…), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núii…) đời sống VH lành mạnh đáp ứng những nhu cầu VH đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân. Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế VH ở cơ sở; đầu tư XD một số công trình VH trong điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức VH, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động VH, nghệ thuật”.

Việc XD đồng bộ môi trường VH phải chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng vì gia đình là tế bào của XH, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách, là nơi bảo tồn, lưu giữ, trao truyền các giá trị VH truyền thống của dân tộc. Phần lớn nhân cách của con người được hình thành ở giai đoạn đầu đời, trong tuổi học sinh, sau này lớn lên sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nhưng về cơ bản đã có nền tảng trước đó. Vì vậy, việc xây dựng nhân cách quan trọng và hiệu quả nhất là ở lứa tuổi học trò, nên giáo dục là việc trọng yếu trong xây dựng văn hóa. Nhân cách phải là mục tiêu hàng đầu trong các chương trình giáo dục phổ thông, cần được thể hiện ở tất cả các môn học, nhất là khoa học xã hội.

Hiện nước ta tăng cường hội nhập quốc tế trong xu hướng toàn cầu hóa mạnh mẽ; do vậy, mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động không nhỏ đến đời sống gia đình VH dẫn đến sự thiếu ổn định và bền vững của gia đình. Từ thực tế trên, việc XD gia đình VN theo chuẩn mực VH truyền thống gắn với mục tiêu XD gia đình văn minh, tiến bộ, hạnh phúc, góp phần vào việc XD nền VH VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là yêu cầu cấp thiết. Gia đình hạnh phúc, bền vững sẽ là điểm tựa quan trọng để XD đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

XD môi trường VH lành mạnh; XD VH trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động VH; chủ động hội nhập quốc tế về VH, tiếp thu tinh hoa VH nhân loại cũng được đặc biệt chú trọng và các giải pháp về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực VH; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý NN về VH; XD đội ngũ cán bộ làm công tác VH và tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực VH.

Quan điểm này thể hiện rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của XD, phát trienr VH và con người trong sự phát triển của đát nước, có mối quan hệ mật thiết với nhau, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, thường xuyên, liên tục và lâu dài ở tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể, sự vào cuộc của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, trong suốt thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

***5- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.***

Quan điểm này khẳng định động lực và nguồn lực để XD và phát triển VH. Mọi người VN phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh đều tham gia XD và phát triển VH nước nhà. Công dân, nông dân, trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp XD và phát triển VH dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của NN. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp XD và phát triển VH. Đội ngũ trí thức là trụ cột để XD và phát triển VH, là lực lượng then chốt trong cách mạng khoa học kỹ thuật và VH. XD và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức để phát triển nền VH tiến tiến, đậm dà bản sắc dân tộc là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Hội nghị BCH TW lần thứ bảy khóa X đã ban hành Nghị quyết số 27 (6/8/2009) về XD đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đã xác định rõ những mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp XD đội ngũ trí thức hiện nay. Trong đó đã nhấn mạnh: “Trí thức VN là lực lượng sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đát nước và hội nhập quốc tế, XD kinh tế tri thức phát triển nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc XD đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư XD đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững” (Văn kiện Hội nghị BCH TW lần thứ 7 khóa X).

* **Trình bày phương hướng và nhiệm vụ của việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc**

**+ Nhiệm vụ của việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc**

**1-Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện**

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng và phát huy lối sống "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

**2- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh**

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Xây dựng mỗi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, "tốt đời, đẹp đạo". Khuyến khích các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", từ thiện, nhân đạo.

**3- Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế**

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tuỵ, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

**4- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa**

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản v ă n hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử-văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ảnh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế đầu tư theo hướng ưu tiên các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ chủ yếu; nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

**5- Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa**

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa.

Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

**6- Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại**

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài.

**+ Giải pháp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc**

**1-Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa**

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển vǎn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao vai trò gương mẫu, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để vǎn hóa, vǎn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Phải coi trọng xây dựng vǎn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Vǎn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên. Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng.

**2- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa**

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật. Bổ sung chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Thúc đẩy cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa.

Tăng cường công tác thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa.

Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên lĩnh vực văn hóa. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, sản phẩm lệch lạc, thị hiếu tầm thường.

**3- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa**

Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

Quan tâm xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Tiếp tục gửi sinh viên, cán bộ đi đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các nước phát triển. Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa.

Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

**4- Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa**

Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư của Nhà nước, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và một số loại hình nghệ thuật truyền thống cần bảo tồn, phát huy.

Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá văn học nghệ thuật, phát triển điện ảnh, hỗ trợ xuất bản...

Xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm. Các địa phương, các cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư... có thiết chế văn hóa phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao...).

Tăng cường đầu tư để đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người.

Như vậy, VH là nền tảng, là động lực mục tiêu, là cái gốc của dân tộc, gốc của con người. Sự nghiệp cách mạng vẻ vang đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải quyết tâm XD nền VH mới tiến tới đậm đà bản sắc dân tộc. Đứng trước những khó khăn và thách thức mới, mỗi người dân VH chúng ta càng phải nhận thức được vai trò của bản thân trong XD và phát triển nền VH VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng đã đề ra. Chúng ta hãy cố gắng học tập, rèn luyện bản thân thất tốt để mỗi người đều trở thành một bông hoa đẹp có ích, qua đó thể hiện được bản sắc VH dân tộc trong từng lời nói, hành động. Làm được điều đó có nghĩa là chúng ta đã góp phần XD hình ảnh đất nước VN thân thiện và đẹp đẽ trong mắt bạn bè quốc tế.

**CÂU 5: Anh (chị) hãy phân tích vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay? Trình bày quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước để phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ?**

Dàn ý:

* Phân tích vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay
* Quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước để phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Giải quyết vấn đề

**Khái niệm giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ**

* Giáo dục là quá trình trao truyền tri thức, kinh nghiệm giữa con người với con người thông qua ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu khác nhằm kế thừa và duy trì sự tồn tại, tiến hoá và phát triển của nhân loại
* Đào tạo là hoạt động mang tính chất chuyên môn, nhằm trao truyền một kỹ năng cụ thể cho một loại công việc cụ thể nào đó.
* Khoa học là hệ thống tri thức về quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy được nghiên cứu và khái quát từ thực tiễn và được thực tiễn kiểm nghiệm.
* Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực tự nhiên, nguồn lực sản xuất trung gian thành sản phẩm.

**1. Phân tích vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay**

**a) Vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo**

Giáo dục và đào tạo có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Nhiều quốc gia trên thế giới đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình phát triển nhờ sớm coi trọng vai trò của giáo dục và đào tạo như Nhật Bản với quan điểm coi “Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu; cần kết hợp hài hòa giữa bản sắc VH lâu đời phương Đông với những tri thức Phương Tây hiện đại”, Singapore với phương châm “Thắng trong cuộc đua về giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua về phát triển KT”; Mỹ luôn chú trọng đến việc “Tập trung cho đầu tư GD-ĐT và thu hút nhân tài”; Liên Xô trước đây cũng đã khẳng định “Chính sách về con người là điểm bắt đầu và làm điểm kết thúc của mọi chinh sách KT-XH”.

Sinh thời, Chủ tịch HCM đã từng căn dặn thế hệ trẻ “Non sông VN có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc VN có bước tới đài vinh quang sánh vai cùng các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”. Lời dạy của Người chứa đựng toàn bộ giá trị chân lý của thời đại mang tên Người. Để không bị tụt hậu, để XD và PT thành công một đất nước độc lập tự do theo định hướng XHCN thì rất cần phải nhận thức rõ hơn nữa vị trí và vai trò của GD và ĐT.

**\* Vị trí của GD và ĐT:**

Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng và NN ta đã luôn khẳng định GD-ĐT là quốc sách hàng đầu, là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của NN, được ưu tiên trước nhất, thậm chí đi trước một bước so với các chính sách PT KT-XH khác. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã có nhiều quan điểm chỉ đạo về PT GD-ĐT. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3/9/1945, Chủ tịch HCM đã trình bày với các Bộ trưởng 6 nhiệm vụ cấp bách của đất nước lúc bấy giờ, trong đó có nhiệm vụ về giáo dục: Diệt giặc dốt.

Nghị quyết TW 3, khóa 7 năm 1993 khẳng định: “Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”.

Nghị quyết TW2, khóa VIII: Phát triển GD-ĐT là quốc sách hàng đầu.

NQ TW 8, khóa XI: Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, NN và của toàn dân. Đầu tư cho GD là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển KT – XH.

Quan điểm coi GD-ĐT là quốc sách hàng đầu đã được cụ thể hóa thành các chính sách như: Chính sách đầu tư cho giáo dục. VN là một trong những quốc gia có sự đầu tư ngân sách cho giáo dục lớn.

Hiện nay các cơ sở giáo dục và đào tạo được mở rộng, số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh tăng lên, hệ thống các cơ sở dạy nghề, hệ thống các trường CĐ, ĐH được tăng về số lượng, phát triển về chất lượng.

Như vậy, quan điểm coi GD và ĐT là quốc sách hàng đầu của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn, ở vị trí hàng đầu, GD và ĐT có vai trò rất quan trọng.

**\* Vai trò của GD-ĐT:**

Với vị trí quốc sách hàng đầu, GD-ĐT có vai trò là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH. Vai trò của GD&ĐT được thể hiện rõ trong quan điểm của Đảng ở các kỳ đại hội. Nghị quyết TW 2 khóa VIII đã khẳng định: “Phát triển GD&ĐT là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển KT-XH trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH hiện nay”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X cũng nhấn mạnh: “GD&ĐT là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người – yếu tố cơ bản để phát triển XH, tăng trưởng KT nhanh và bền vững”. Cương lĩnh XD và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) một lần nữa khẳng định lại quan điểm xuyên suốt của Đảng ta: “GD&ĐT có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, XD nền VH và con người VN”. Trong chiến lược PT KT-XH giai đoạn 2011-2020 được thông qua tại Đại hội XI, vai trò của GD&ĐT lại được làm rõ: “GD&ĐT cần tập trung vào việc phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”.

Theo quan điểm của Mác, con người không chỉ là lực lượng làm chủ tự nhiên một cách thực sự và có ý nghĩa, không chỉ là chủ thể của hoạt động SX vật chất mà còn là yếu tố hàng đầu, yếu tố đóng vai trò quyết định trong lực lượng SX của XH. Khi nguồn lực con người được coi là yếu tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia thì phát triển GD&ĐT là phương tiện chủ yếu để quyết định chất lượng con người, là nền tảng của chiến lược con người. Con người vừa là trung tâm của mọi sự phát triển, vừa là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Với tư cách là động lực cho sự phát triển, GD&ĐT chuẩn bị cho con người sự phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực, cho lợi ích hiện tại và tương lai của đất nước.

Thực tiễn hiện nay, trên cơ sở KT thị trường, các nền KT tiên tiến trên thế giới đang trong quá trình thực hiện bước chuyển tiếp trình độ phát triển từ KT công nghiệp sang hậu công nghiệp và KT tri thức. Những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã biến tri thức thành yếu tố quan trọng bên trong quá trình SX và quyết định sự phát triển của nền KT. Trong bối cảnh đó, GD đã trơ thành nhân tố quyết định nhất đối với sự phát triển KT-XH.

Hàm lượng tri thức trong nền KT là nhân tố quy định sự phát triển, hàng hóa nào có hàm lượng tri thức càng cao thì càng có giá trị. Tri thức là nguồn tài nguyên rất đặc biệt, khác với những nguồn tài nguyên khác, tri thức là vô hạn, càng khai thác càng giàu lên, càng cho đi ta càng thu về nhiều hơn. Do vậy, phát triển dựa trên tri thức là phát triển bền vững. Mà tri thức chính là những dữ liệu, thông tin hay những kỹ năng mà con người có được qua sự trải nghiệm hoặc thông qua giáo dục. Vậy GD chính là yếu tố để gia tăng hàm lượng tri thức trong lĩnh vực KT nói riêng và mọi lĩnh vực của đời sống XH nói chung. Cho nên, GD&ĐT có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự PT KT-XH, đặc biệt là giáo dục đại học – lĩnh vực có trọng trách đào tạo đội ngũ lao động trình độ cao.

Với vị trí và vai trò quan trọng, những năm gần đây GD&ĐT ngày càng được Đảng và NN đặc biệt quan tâm, ĐH đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: sự nghiệp GD&ĐT nước ta tiếp tục được phát triển và được đầu tư nhiều hơn, đặc biệt nhấn mạnh những thành tựu mà GD VN đạt được sau gần 30 năm đổi mới, những thành tựu đó đã tác động trực tiếp, to lớn và tích cực đến sự PT KT-XH của đất nước, góp phần quan trọng đưa nước ta nhanh chóng hoàn thành quá trình CNH, HĐH, thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng PT hiện đại đến năm 2020.

Bản thân mỗi cá nhân cần nhận thức sâu sắc vị trí và vai trò của GD&ĐT đối với sự PT của chính bản thân và toàn XH. Sự nghiệp GD&ĐT là sự nghiệp của toàn Đảng, NN và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển toàn diện. Như Chủ tịch HCM đã căn dặn “Muốn Xd CNXH trước hết phải có con người XHCN”.

**b) Vai trò KHCN là động lực thúc đẩy phát triển KTXH, CNH, HĐH.**

Khoản 1, Điều 62, Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Phát triển KH và CN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp PT KT-XH của đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua những Văn kiện quan trọng mang tầm định hướng, chiến lược, vạch ra đường lối, nhiệm vụ cách mạng VN trong giai đoạn mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống KT-XH..., trong đó có vấn đề KHCN.

Phát triển mạnh mẽ lực lượng SX với trình độ KH, CN ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ SX trong nền KT thị trường định hướng XHCN. Trong nhiệm kỳ đại hội XI, 1 trong những nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc CNH, HĐH, hội nhập quốc tế của đất nước.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) cũng xác định “Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển KHCN nhằm mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”.

Thực tiễn cho thấy, CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản và toàn diện nền SX XH từ sử dụng lao động thủ công là chính với năng suất, chất lượng và hiệu quả thấp sang sử dụng lao động được đào tạo ngày càng nhiều hơn cho năng suất chất lượng và hiệu quả cao hơn dựa trên phương pháp SX công nghiệp, vận dụng những thành tựu mới của KHCN tiên tiến.

CNH, HĐH cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu KT theo hướng tăng nhanh các ngành SX có hàm lượng KHCN cao, giá trị gia tăng cao. Thực chất và nội dung cơ bản của CNH, HĐH là sáng tạo và ứng dụng tri thức do GD-ĐT và KHCN tạo ra vào phát triển KT-XH, tạo nên sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Vì vậy, với tư cách là một thành tố cơ bản của nền VH dân tộc, KHCN có một vị trí trọng yếu trong sự nghiệp XD và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển GD-ĐT cùng với phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu, có ý nghĩa lớn lao trong lĩnh vực SX vật chất, là cơ sở để XD nền VH tinh thần của chế độ XHCN.

KHCN còn có tác dụng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị XHCN, XD nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, XD lối sống, đạo đức và nhân cách mới của toàn bộ XH. Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước không phải chỉ là quá trình đổi mới về KHCN, hiện đại hóa, thị trường hóa nền SX XH mà còn là quá trình chuyển đổi về tâm lý, phong tục tập quán, lối sống thích ứng với nhịp độ và tốc độ của XH công nghiệp và hội nhập KT quốc tế.

KHCN là quốc sách hàng đầu có nghĩa là chủ trương, chính sách phát triển đất nước, KT-XH cũng như bảo vệ Tổ quốc đều phải dựa vào KHCN và thực hiện bằng KHCN. Chỉ có phát triển KHCN, chúng ta mới phát triển được KT-XH, giữ vững được độc lập dân tộc, XD thành công CNXH. Để KHCN nhanh chóng phát huy được vai trò là nền tảng và động lực đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng, NN luôn có những chính sách quan tâm đặc biệt đến phát triển KHCN.

KHCN là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng KT và củng cố quốc phòng an ninh. Hoạt động KHCN không chỉ là nhiệm vụ của các nhà KHCN, các nhà quản lý khoa học mà là công việc của mọi ngành, mọi cấp, mọi người.... Mọi hoạt động KT-XH đều đòi hỏi phải có nội dung KHCN để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mọi hành động phải xác định cơ sở khoa học của nó, phải điều tra, nghiên cứu, tìm ra quy luật, dự báo sự phát triển, đề xuất các giải pháp phù hợp với quy luật khách quan.

Các chủ trương, quyết định, chương trình, dự án phát triển KT-XH quan trọng phải có luận cứ xác đáng về KHCN. Các nhiệm vụ KHCN phải hướng vào giải quyết có hiệu quả các mục tiêu KT-XH. Mọi ngành, mọi cấp phải đẩy mạnh việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi thành tựu KHCN vào hoạt động KT-XH, quốc phòng, an ninh, từ việc định hướng chiến lược phát triển, hoạch định chính sách, XD quy hoạch, kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, cần phải làm thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm, nhanh chóng ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo ra các ngành nghề mới, các sản phẩm mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu KT nông nghiệp và KT nông thôn.

Phát triển KHCN không phải chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng KT mà còn nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển KT với phát triển VH, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

**2. Quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước để phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**

***a) Quan điểm về GD – ĐT***

- Một là, nắm vững nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục và đào tạo là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có thể lực, trí lực và tình cảm lành mạnh, có kỹ năng lao động giỏi, có ý chí và bản lĩnh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hai là, giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa của sự nghiệp giáo dục - đào tạo (về nội dung, phương pháp và chính sách đối với giáo dục).

- Ba là: Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương, chính sách cán bộ. Có các giải pháp mạnh mẽ để phát triển giáo dục.

- Bốn là: Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các gia đình và cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Khuyến khích phong trào toàn dân học tập và toàn dân chăm lo phát triển giáo dục.

- Năm là: Phát triển giáo dục - đào tạo gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với những tiến bộ khoa học công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh. Coi trọng ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội.

- Sáu là:Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo. Tạo cơ hội và điều kiện để ai cũng được học. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để có điều kiện học tập. Khuyến khích những người học giỏi để phát triển tài năng.

- Bảy là: Giữ vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo, trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý giáo dục, từ nội dung chương trình, quy chế học, thi cử, bằng cấp, tiêu chuẩn giáo viên, tạo cơ hội cho mọi cá thể lựa chọn cách học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập trung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hoá hình thức và phương pháp dạy học.

***b) Quan điểm phát triển khoa học công nghệ (SGK tr.168)***

Một là, phát triển và ứng dụng KH & CN là quốc sách hàng đầu; một trong những động lực để phát triển KT-XH và bảo vệ tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển KH và CN.

Hai là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác XD chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức KH và CN phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Ba là, đầu tư cho nhân lực KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững; trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và CN.

Bốn là, ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển KH và CN. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần KT tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực KH XH và nhâ văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường KH và CN. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện VN.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người VN định cư ở nước ngoài và người nước ngoài ham gia các dự án khoa học và công nghệ của VN. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc.

**CÂU 6: Anh chị hãy làm rõ vai trò của chính sách xã hội và ý nghĩa của việc giải quyết vấn vấn đề xã hội ở nước ta hiện nay? Liên hệ tình hình thực hiện chính sách xã hội của Đảng và nước ta?**

Dàn ý:

* Khái niệm chính sách xã hội
* Vai trò của chính sách xã hội đối với sự phát triển KT- XH
* Sự cần thiết của việc giải quyết vấn vấn đề xã hội ở nước ta
* Tình hình thực hiện chính sách xã hội trên một số lĩnh vực của Đảng và nước ta

+ Chính sách dân số

+ Chính sách giải quyết tệ nạn xã hội

+ Chính sách giải quyết Việc làm

+ Chính sách giáo dục y tế

+ Chính sách xoá đói giảm nghèo

Giải quyết vấn đề:

**1. Khái niệm chính sách xã hội:**

Chính sách XH là một loại chính sách nhằm điều chỉnh những quan hệ XH của con người, giải quyết những vấn đề XH đang đặt ra và thực hiện bình đẳng, công bằng, tiến bộ XH, phát triển toàn diện con người.

**2. Vai trò của chính sách xã hội đối với sự phát triển KT- XH**

Con người là nguồn lực quan trọng nhất, là vốn quý nhất của mỗi quốc gia. Hiện nay, nước ta đang tiến hành công cuộc CNH, HĐH đất nước nhằm biến một nước chậm phát triển thành một quốc gia phát triển, nhân tố con người là nguồn lực quan trọng nhất trong 4 nguồn lực của sự phát triển (vốn, tài nguyên, con người và vị trí địa lý). Kinh nghiệm thế giới 2 thập kỷ qua đã có thấy sự nghiệp CNH và phát triển KT của một quốc gia nếu không gắn liền với mục tiêu phát triển con người sẽ dẫn đến những thảm họa về XH và môi trường. Phát triển con người vừa là động lực của sự phát triển KT-XH, vừa là điều kiện thực hiện CNH; đồng thời cũng là mục tiêu của sự phát triển KT-XH, của CNH. Để phát triển con người toàn diện, một trong những công cụ, biện pháp mà nhà nước áp dụng là thực hiện hàng loạt các CSXH.

CSXH là chính sách đối với con người, nó phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực con người trong việc ổn định và phát triển XH, nó ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của XH. Nhiệm vụ của CSXH là căn cứ trên các yếu tố KT-XH để đề ra và thực thi biện pháp, các giải pháp làm cho con người và nhân dân lao động có điều kiện sống ngày càng tốt hơn cả về vật chất lẫn tinh thần. Các CSXH được XD dựa trên nhu cầu hợp lý và lành mạnh của con người cả về vật chất lẫn tinh thần, dựa trên những dự báo khuynh hướng phát triển của con người, của nền KT XH để khơi dậy tính tích cực, kích thích KT-XH phát triển, góp phần điều tiết quan hệ XH nhằm bảo đảm và thiết lập XH công bằng, văn minh, để con người chăm lo làm việc tốt cho mình và cho XH. Vì thế, CSXH thật sự là một nhân tố ảnh hưởng thúc đẩy sự phát triển của XH.

CSXH còn quan trọng bởi ảnh hưởng của nó đến mọi mặt của hoạt động XH, trước hết là ảnh hưởng đến cơ cấu XH. Hiện nay bất kỳ một quốc gia nào cũng có cơ cấu XH phức tạp với nhiều nhóm XH mà vì thế, vai trò, lợi ích giữa các nhóm XH đôi khi mâu thuẫn nhau. Sự tác động nhiều mặt của KT cũng làm nảy sinh các “vấn đề XH”, cơ cấu XH không còn phù hợp và đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi mọi người phải quan tâm giải quyết. Để đảm bảo XH phát triển trong sự ổn định nhất thiết phải có CSXH hợp lý và giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ XH trên nhiều khía cạnh và lĩnh vực khác nhau như: quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp XH, quan hệ giữa các dân tộc trong cơ cấu XH – dân tộc đến hiện trượng diễn tiến XH; sự xuất hiện, phát triển hay sự suy thoái của mỗi nhóm, tầng lớp người trong XH, sự mất cân đối về phân bổ dân cư, sự biến chuyển về vai trò, vị trí của con người, cũng như các quan hệ giữa các giai tầng, sự vận động và biến đổi của các loại hình nghề nghiệp, vấn đề lao động và việc làm của nguồn lao động…. Vì vậy, CSXH có ảnh hưởng trực tiếp như một công cụ để khắc phục những phân hóa, mâu thuẫn và khác biệt XH, để điều tiết các quan hệ XH nhằm phát huy khả năng của toàn XH vào những mục tiêu chung. Nói cách khác, khi XH có “vấn đề XH” nảy sinh, tức là cơ cấu XH của XH đó không còn phù hợp để thúc đẩy XH phát triển, khi đó cần phải điều chỉnh vào các phân hệ của cơ cấu XH bằng cách dùng các CSXH tác động vào để cho XH được công bằng, tạo môi trường tích cực cho XH phát triển và từ đó hình thành cơ cấu XH mới phù hợp, tối ưu, đảm bảo cho XH tồn tại và phát triển trong sự ổn định.

Một CSXH hợp lý có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển XH phải luôn luôn phù hợp với điều kiện KT của quốc gia vào thời điểm đó, đảm bảo sự thống nhất giữa các cơ sở XH với chính sách KT tạo điều kiện để thực hiện tốt việc kết hợp giữa tăng trưởng KT với tiến bộ XH. Đề ra CSXH phải căn cứ vào trình độ phát triển của KT, không nên quá cao và tất nhiên không được quá thấp để có tính khả thi cao.

CSXH có vai trò quan trọng bởi nó luôn hướng tới sự công bằng XH, tạo tính tích cực, năng động XH, làm cho XH phát triển bền vững. Tâm lý chung của XH là không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng. Nhưng công bằng không có nghĩa là cào bằng mà phải hiểu là có sự chênh lệch hợp lý: ai cống hiến nhiều, hy sinh nhiều thì phải được hưởng lợi ích nhiều hơn. Công bằng ở đây là sự cân đối mặt bằng giữa các chính sách, là giải quyết CSXH sao cho vấn đề lợi ích giữa các đối tượng có thể có chênh lệch nhưng XH chấp nhận được. Nếu không có CSXH phù hợp, giải quyết đúng đắn vấn đề mấu chốt này, có thể sẽ làm triệt tiêu các động lực XH, dẫn tới sự trì trệ và khủng hoảng XH.

Trong những năm qua, quan điểm của Đảng ta về CSXH tập trung vào một số điểm được xác định rõ trong các văn kiện đại hội đảng, đặc biệt là văn kiện Nghị quyết đại hội Đảng lần XI. Đó là mục tiêu của CSXH thống nhất với mục tiêu phát triển KT đều nhằm phát huy sức mạnh nhân tố con người và vì con người, bên cạnh việc tập trung phát triển KT phải quan tâm giải quyết các vấn để XH, coi đây là hướng chiến lược thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả KT là chủ yếu, phân phối dựa trên mức đóng góp khác nhau và kết quả SX KD và phân phối thông qua phúc lợi XH đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lao động. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, mức sống giữa các vùng, các dân tộc và tầng lớp dân cư. Các vấn đề CSXH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa, Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các DN, các tổ chức trong XH, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề XH.

**3. Sự cần thiết của việc giải quyết vấn vấn đề xã hội ở nước ta**

Phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải giải quyết tốt những vấn đề xã hội, bởi lẽ phát triển kinh tế phải là sự phát triển bền vững dựa trên những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường vững chắc…. Bền vững về mặt xã hội là bảo đảm vừa đạt được tăng trưởng kinh tế, vừa giữ được ổn định xã hội, không có những xáo trộn xung đột, nổi loạn làm ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực cho sự phát triển. Trong phát triển bền vững, yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội quyện vào nhau, hoà nhập vào nhau. Mục tiêu phát triển kinh tế phải bao gồm cả mục tiêu giải quyết những vấn đề xã hội như vấn đề việc làm, xoá đói giảm nghèo….. thoả mãn nhu cầu cơ bản của nhân dân, công bằng xã hội. Ngược lại, mục tiêu phát triển xã hội cũng nhằm tạo động lực phát triển kinh tế. Đó chính là sự khác nhau căn bản về mục tiêu phát triển giữa con đường chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn….

**4. Tình hình thực hiện chính sách xã hội trên một số lĩnh vực của Đảng và nước ta (Xem thêm SGK trang 214).**

a) Chính sách dân số

* Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp tích cực các ban, ngành, đoàn thể, sự nỗ lực của đội ngũ chuyên trách, cộng tác viên dân số, công tác DS-KHHGĐ tiếp tục được xã hội hóa mạnh mẽ. Nhờ tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nên đã được những kết quả quan trọng: tỷ lệ tăng tự nhiên dân số từ 1,33% (năm 2005), giảm xuống còn 1,10% (năm 2014); Tỷ lệ sinh con thứ 3 từ 26% (năm 2005) giảm còn 15,4% (năm 2014); Tỷ suất sinh từ 17,3%o (năm 2005) giảm xuống còn 15,46%o (năm 2014). Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn tỉnh vào năm 2003 là 2,7 con, đến nay giảm xuống còn 2,2 con. Quy mô gia đình nhỏ ít con dần dần được xã hội chấp nhận, chất lượng dân số từng bước được nâng lên.
* Công tác DS-KHHGĐ đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự tự giác thực hiện của cán bộ, đảng viên: Thông qua việc tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết 47, Nghị quyết 35, các cấp ủy đảng, chính quyền đã chỉ đạo, đưa các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về DS-KHHGĐ thành một nội dung trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, xem đây là một tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện, chỉ đạo thực hiện các giải pháp khá quyết liệt trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. Cán bộ, đảng viên, nhất là trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể đã gương mẫu, tự giác trong việc thực hiện, đồng thời tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện chính sách DS-KHHGĐ.
* Công tác truyền thông, vận động, giáo dục được đổi mới và ngày càng phát huy hiệu quả: Ngày càng đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng đối tượng, hướng trực tiếp về cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, nơi có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cao. Sở Y tế (Chi Cục DS-KHHGĐ) đã phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo, định hướng tuyên truyền công tác DS-KHHGĐ đình trong các cơ quan thông tin, báo chí và trong đội ngũ báo cáo viên Tỉnh ủy. Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên xây dựng và phát sóng các các chương trình, chuyên trang, chuyên mục nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình, tổ chức các diễn đàn đối thoại nhân Ngày Dân số Việt Nam 26/12... Ngành y tế hàng năm đã phối hợp với 20 ban, ngành, đoàn thể lồng ghép triển khai các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình, mang lại hiệu quả thiết thực. Việc tổ chức các đợt chiến dịch truyền thông, kết hợp tuyên truyền vận động, tư vấn, với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên. Công tác truyền thông, vận động, giáo dục đã góp phần làm chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức và hành vi của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Qua đó, góp phần kiểm soát tốc độ gia tăng dân số; hạn chế, ngăn chặn tiến tới xóa bỏ các quan niệm, tập tục lạc lậu; từng bước nâng cao chất lượng dân số.
* Các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình được mở rộng và nâng cao: Hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ với các nội dung và hình thức phù hợp trong khuôn khổ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiến tới thoả mãn nhu cầu của người dân về SKSS/KHHGĐ, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em, tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, giảm mạnh nạo thai, hút thai, đặc biệt nạo thai, hút thai ở vị thành niên- thanh niên, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Hệ thống cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGĐ của tỉnh luôn được củng cố và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu cho đối tượng sử dụng. Vấn đề làm mẹ an toàn đã được ngành Y tế, Dân số cũng như các ban ngành, đoàn thể quan quan tâm một cách đặc biệt. Cùng với mạng lưới y tế, hệ thống những người làm công tác DS-KHHGĐ được tập huấn các nội dung về làm mẹ an toàn như vệ sinh thai nghén, chế độ dinh dưỡng khi mang thai, tiêm phòng uốn ván, uống viên sắt, khám thai định kỳ, quản lý những trường hợp sinh đẻ có nguy cơ cao thông qua bảng theo dõi thai sản tại trạm y tế… Các nội dung làm mẹ an toàn được lồng ghép vào các buổi tư vấn cộng đồng, các buổi sinh hoạt của Hội Phụ nữ, những chương trình vay vốn, xoá đói giảm nghèo…
* Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số: Các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số như mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, Sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh; can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn; tư vấn và chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng; đề án kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển; mô hình xã, phường, cụm dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên,... được triển khai tích cực, trong đó, ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng mới định cư và các nhóm đối tượng thiệt thòi.
* Tổ chức bộ máy được củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu lực quản lý:  Năm 2008, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 1243/QĐ-UBND“về thành lập Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các huyện”. Chi cục DS-KHGĐ được thành lập (trực thuộc Sở Y tế), đã nhanh chóng ổn định về mặt tổ chức. Đội ngũ cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã, phường, thị trấn có sự gia tăng về số lượng, đáp ứng yêu cầu công tác. Hiện nay, 152/152 xã, phường, thị trấn đều có cán bộ chuyên trách về dân số, đạt tỷ lệ 100%. Đội ngũ cộng tác viên tại thôn, bản, tổ dân phố cũng phân bố đầy đủ. Đến nay, có 2.093 người và 100% thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh có cộng tác viên dân số. Đội ngũ này đã thực hiện có hiệu quả việc thu thập, cập nhật thông tin biến động về DS-KHHGĐ và tư vấn, tuyên truyền vận động trực tiếp công tác DS-KHHGĐ tại cộng đồng.
* Chính sách và nguồn lực được quan tâm đầu tư: Tỉnh đã có chính sách khuyến khích thỏa đáng về tinh thần và vật chất đối với khách hàng và đội ngũ cán bộ DS-KHHGĐ như cán bộ chuyên trách dân số xã là viên chức thuộc Trạm y tế và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước. Nguồn lực đầu tư cho công tác DS-KHHGĐ có sự gia tăng đáng kể. Các xã, phường, thị trấn đã dành một phần kinh phí đầu tư cho công tác DS- KHHGĐ tại địa phương và hỗ trợ cho các đối tượng thực hiện KHHGĐ, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách DS- KHHGĐ với nhiều hình thức,...
* Đẩy mạnh xã hội hóa thực hiện công tác DS-KHHGĐ: Công tác dân số đã có sự tham gia tích cực của các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội và sự hưởng ứng của đông đảo cộng đồng dân cư. Công tác dân số ngày càng được xã hội hoá cao hơn, nhận thức của cán bộ và nhân dân về công tác dân số ngày được nâng lên rõ rệt. Nội dung dân số được lồng ghép vào hoạt động của các ban ngành, đoàn thể và các phong trào như phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, đưa nội dung dân số vào hương ước, qui ước cơ quan, đơn vị làng xã văn hoá,.../.

b) Chính sách giải quyết tệ nạn xã hội

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, lực lượng Công an nhân dân đã tập trung tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm, liên tục triển khai các chương trình, kế hoạch, biện pháp tăng cường phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế gia tăng tội phạm, vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững an ninh, trật tự của đất nước. Năm 2013, lực lượng Công an đã điều tra, khám phá 44.033 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt xử lý 88.259 đối tượng, đạt tỷ lệ 74,49% cao hơn 1,09% so với năm 2012; bắt 7.980 vụ cờ bạc, 721 vụ mại dâm, 18.384 vụ phạm tội về ma túy; triệt phá 2.640 băng, nhóm tội phạm. Trong 6 tháng đầu năm 2014, đã điều tra, khám phá 22.002 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt xử lý 45.261 đối tượng, đạt tỷ lệ 75,58%, cao hơn 0,1% so với cùng kỳ năm 2013; bắt 4.569 vụ cờ bạc, 351 vụ mại dâm, 9.347 vụ phạm tội về ma túy; triệt phá 1.469 băng, nhóm tội phạm, trong đó có nhiều băng, nhóm tội phạm nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm.

Tuy nhiên, tình hình tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp, là nguồn phát sinh, phát triển tội phạm; tệ nạn cờ bạc dưới hình thức chơi “lô đề” diễn ra phổ biến ở các địa phương; tệ nạn mại dâm có xu hướng mở rộng về phạm vi, quy mô hoạt động và diện đối tượng tham gia; tình trạng thanh, thiếu niên sử dụng ma túy tổng hợp trong các nhà hàng, vũ trường, bar, karaoke diễn ra phức tạp.

Nguyên nhân của tình trạng trên, chủ yếu là do: (1) Tình hình kinh tế còn khó khăn, số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tiếp tục gia tăng kéo theo nhiều người lao động mất việc làm tạo áp lực lớn đến các vấn đề xã hội. (2) Đạo đức trong gia đình, nhà trường, xã hội, lối sống thực dụng, hưởng thụ, chạy theo lợi ích vật chất, nhất là trong thanh, thiếu niên rất đáng lo ngại. (3) Tác động tiêu cực của ấn phẩm đồi trụy, trò chơi trực tuyến trên mạng Internet (game online) đối với thanh, thiếu niên đang trong độ tuổi phát triển về nhận thức, tâm, sinh lý chưa có giải pháp ngăn chặn hiệu quả. (4) Số người nghiện ma túy chưa giảm, số người nghiện ma túy tổng hợp có chiều hướng tăng và diễn biến phức tạp, nhất là ở địa bàn các thành phố lớn, tiềm ẩn nhiều yếu tố làm nảy sinh tội phạm (cả nước hiện có trên 180.000 người nghiện ma túy). (5) Công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn nhiều sơ hở. (6) Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được duy trì thường xuyên. (7) Ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản của nhiều người còn hạn chế, chủ quan, sơ hở, bị tội phạm lợi dụng, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông còn chưa cao.

Trước tình hình trên, Bộ Công an đã và đang tập trung chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các công tác trọng tâm sau:

- Tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý trong tình hình mới" gắn với thực hiện Nghị quyết số 37/2012/QH13, ngày 23/11/2012, Nghị quyết số 63/2013/QH13, ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy, phòng, chống mua bán người giai đoạn 2012-2015; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”, Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông”; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân; triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết, thông tư liên tịch nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, giáo dục các đối tượng có nguy cơ cao về tội phạm, vi phạm pháp luật hoặc bị tội phạm xâm hại; đẩy mạnh xây dựng các phong trào quần chúng tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc như mô hình “Tuần tra nhân dân”, “Tổ an ninh xã hội”, “Khu dân cư an toàn về an ninh, trật tự”.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, bảo đảm an ninh, trật tự. Tiếp tục duy trì và xây dựng các đội săn bắt cướp, nhân rộng mô hình tổ công tác phối hợp 03 lực lượng (Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát hình sự) ở Công an các đơn vị, địa phương trong phòng, chống tội phạm, nhất là phòng, chống cướp, cướp giật tài sản, tàng trữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các vụ gây rối trật tự công cộng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 72/2009/NĐ-CP, ngày 03/9/2009 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Chỉ thị số 08/CT-BCA, ngày 19/9/2013 của Bộ Công an về tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, dịch vụ đòi nợ.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; tiếp tục thiết lập, tổ chức hoạt động của các “đường dây nóng” (điện thoại, email), hòm thư tố giác tội phạm để tiếp nhận, xử lý kịp thời mọi thông tin, tài liệu liên quan đến tội phạm.

- Triển khai liên tục các cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, tập trung trấn áp các băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, hoạt động đâm thuê, chém mướn, tội phạm sử dụng vũ khí gây án, giết người, cướp, cướp giật tài sản; các băng, nhóm đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, các đường dây môi giới mại dâm, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy... Phối hợp chặt chẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm khách quan, nghiêm minh, không để tội phạm hoạt động lộng hành. Điều tra khám phá nhanh các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án đưa ra xét xử kịp thời các vụ án điểm nhằm răn đe tội phạm.

- Tập trung rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

c) Chính sách giải quyết Việc làm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và sự nỗ lực vươn lên của nhân dân, trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động đã thu được nhiều kết quả khả quan.

* Các cơ chế, chính sách về lao động - việc làm được kịp thời đánh giá, bổ sung và sửa đổi bảo đảm ngày càng thông thoáng, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập, đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động, người sử dụng lao động và tuân thủ các quy luật kinh tế thị trường. Hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về lao động - việc làm ngày càng hoàn thiện, nhiều Luật mới ra đời và đi vào cuộc sống như Bộ luật Lao động, Luật Dạy nghề, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhiều văn bản hướng dẫn được ban hành nhằm từng bước hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực lao động - việc làm. Nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường, Nhà nước đã thực hiện vai trò "bà đỡ" thông qua việc ban hành các chính sách cho nhóm lao động yếu thế, như các chế độ ưu đãi đối với lao động là người tàn tật, các cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật, lao động là người dân tộc thiểu số, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ lao động dôi dư... góp phần hỗ trợ người lao động tạo việc làm, nhanh chóng ổn định cuộc sống.
* Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X xác định rõ: “phát triển thị trường lao động trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm”.
* Thực hiện chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đầu tư đã tạo động lực to lớn, đưa nền kinh tế nước ta ngày càng ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì liên tục ở mức cao (từ 7% - 7,5%/năm), hằng năm vốn đầu tư chiếm trên 35% GDP, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển mạnh (tính đến cuối năm 2006, tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động là 234.000 doanh nghiệp), cùng với đó là các Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; Chương trình phát triển công nghiệp, dịch vụ; các chương trình, dự án trọng điểm kinh tế - xã hội của Nhà nước; Chương trình xây dựng và phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao ... được thực hiện góp phần giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, tạo môi trường lành mạnh để nhân dân đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo và tự tạo việc làm. Qua đó, hằng năm đã giải quyết việc làm cho từ 1,1- 1,2 triệu lao động, tận dụng tối đa nguồn nhân lực cho phát triển đất nước, từng bước nâng cao và cải thiện đời sống của nhân dân.
* Vai trò của Nhà nước chuyển từ tạo việc làm trực tiếp sang gián tiếp thông qua các chính sách, nguồn lực hỗ trợ, đặc biệt thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm. Trong những năm qua, Chương trình đã có sự lồng ghép hiệu quả với các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, thực hiện các dự án về tín dụng việc làm với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, gắn dạy nghề với tạo việc làm, thúc đẩy thị trường lao động phát triển, tạo và tự tạo việc làm cho từ 300 - 350 nghìn lao động/năm. Đồng thời, qua việc thực hiện Chương trình đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của người dân và của xã hội về giải quyết việc làm; người lao động ngày càng chủ động, năng động tự tạo việc làm cho mình và cho người khác, không thụ động, trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ trực tiếp từ Nhà nước. Bên cạnh đó, với mong muốn hợp tác với tất cả các nước trên tinh thần hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi, chúng ta đã và đang thực hiện tốt hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, coi đây là một trong những kênh quan trọng để giải quyết việc làm (từ 70 - 80 nghìn lao động/năm), xóa đói, giảm nghèo cho người dân, đem lại cơ hội lớn trong việc tiếp thu khoa học - kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài.
* Thị trường lao động Việt Nam đã hình thành và phát triển, với dân số đông (trên 84 triệu người) và quy mô lao động lớn (45,6 triệu lao động năm 2006), hằng năm, lực lượng lao động được bổ sung trên 1 triệu người, đem lại lợi thế cho Việt Nam về nguồn nhân công dồi dào, giá nhân công tương đối rẻ so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mặt khác, lao động trẻ chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động (chiếm 45,6%), đây thực sự là nguồn lao động tiềm năng lớn cho Việt Nam trong việc phát huy nội lực của đất nước để phát triển.
* Đảng ta xác định đầu tư cho giáo dục - đào tạo, trong đó có cả dạy nghề là đầu tư cho tương lai, "đầu tư cho phát triển", từ đó, Đảng và Nhà nước đã kêu gọi các cấp, các ngành, toàn xã hội đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo, góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng lao động. So với các nước trên thế giới có cùng mức phát triển tương đối cao, trình độ học vấn của lao động Việt Nam tương đối cao (đến năm 2006 tỷ lệ lao động chưa biết chữ chỉ chiếm 3,5% trong khi tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông là 23,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là trên 31,5%, tỷ lệ đào tạo nghề khoảng 20%). Lao động Việt Nam có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, không ngừng tiếp thu khoa học - kỹ thuật sản xuất và quản lý hiện đại, nếu phát huy tốt những thế mạnh này của lao động Việt Nam sẽ là động lực quan trọng phát triển đất nước bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hằng năm đã giải quyết việc làm cho từ 1,1 - 1,2 triệu lao động, tận dụng tối đa nguồn nhân lực cho phát triển đất nước. - Tạo và tự tạo việc làm cho từ 300 - 350 nghìn lao động/năm. - Đã và đang thực hiện hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Đến nay đã có 150 trung tâm giới thiệu việc làm và hàng nghìn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động.
* Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển thị trường lao động, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách tạo thuận lợi phát triển các hoạt động giao dịch trên thị trường. Đến nay đã có 150 trung tâm giới thiệu việc làm và hàng nghìn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động, hằng năm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho hàng triệu lượt người. Các hội chợ việc làm, phiên chợ việc làm, tháng việc làm, điểm hẹn việc làm, sàn giao dịch việc làm ... được tổ chức thường xuyên, tích cực gắn kết người lao động và người sử dụng lao động; đã đưa thông tin đến tận người lao động ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo cơ hội cho người lao động có khả năng tìm việc làm và có việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng của bản thân.

d) Chính sách giáo dục y tế

Công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực là công việc phải được ưu tiên hàng đầu để bảo đảm cho tính ổn định của nguồn nhân lực quốc gia. Không chỉ là số lượng mà còn phải bảo đảm cả về chất lượng - điều mà chúng ta hiện nay đang rất thiếu. Chính vì vậy, giáo dục có tầm quan trọng số một trong công tác phát triển nguồn nhân lực để phát triển đất nước. Việc tạo nền tảng cho sự phát triển trí lực, thể lực của con người ngay từ giai đoạn trẻ thơ cho đến khi trưởng thành là vấn đề có tầm quan trọng đáng kể, có ý nghĩa tích cực và mang tính chiến lược đối với sự phát triển, đối với vận mệnh kinh tế, chính trị và xã hội của cả một quốc gia.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, những cơ hội học tập cho trẻ em là không đồng đều ở các vùng, miền và thậm chí ở từng cộng đồng dân cư bởi khoảng cách giàu, nghèo là khá lớn.Nhóm gia đình có mức sống khá giả nhất chi cho giáo dục nhiều gấp gần 11 lần so với nhóm nghèo nhất. Đối với những hộ càng nghèo, thì việc chi cho giáo dục của con em họ càng là gánh nặng đối với ngân sách gia đình. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ở Việt Nam, hằng năm có khoảng 3,6% học sinh trong độ tuổi không được đến trường. Tỷ lệ học sinh ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nạn bỏ học cao hơn so với các vùng kinh tế trọng điểm và các khu đô thị (ở đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ học sinh bỏ học là 2,96%; khu vực Tây Bắc 6,91%; Tây Nguyên l7,16% và đồng bằng sông Cửu Long 12,64%).Ở các vùng núi cao, số trẻ em gái không biết chữ ở nhóm 10 tuổi là 13,69%, 11 - 14 tuổi là 7,98%, 15 - 17 tuổi là 9,08%. Nếu tính theo nhóm dân tộc thì số trẻ em gái  mù chữ người H’Mông là 90%, Hà Nhì 89%, Gia Rai 83%, Bahnar 82*%* (1).

Thực tế chính sách giáo dục và đào tạo ở nước ta có rất nhiều vấn đề bất cập phải bàn. Trước hết, đó là một số chính sách về giáo dục (nói chung) và đối với vùng khó khăn (hoặc hơn thế) còn nhiều bất cập do chỉ mang tính giải quyết tình thế là chính, chưa đáp ứng yêu cầu hình thành chiến lược lâu dài hướng tới tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Có thể kể ra một số minh chứng:

* *Chính sách* *xây dựng và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, tạo nguồn,* *đào tạo học sinh dân tộc thiểu số*. Quy mô các trường và giữa các vùng, miền cũng rất không đồng đều nên chính sách này vừa lãng phí, bất cập lại chồng chéo giữa các dự án xây dựng với quy mô huy động số học sinh theo mật độ dân cư và các khả năng kinh tế, chưa tạo đà cho phát triển giáo dục.
* Thực hiện Luật Giáo dục, *Chính sách ưu tiên cử tuyển học sinh, sinh viên vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp* ở một số địa phương thường xuyên không đạt chỉ tiêu, nhất là các dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng đặc biệt khó khăn và rất thiếu cán bộ. Sự phối hợp giữa chính quyền các cấp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa chặt chẽ nên cơ cấu ngành nghề được đào tạo cử tuyển chưa phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhiều nơi nảy sinh các sai sót trong việc cử tuyển, “lách luật” để giành chỉ tiêu đào tạo, như: thay đổi địa chỉ cư trú, thay đổi thành phần dân tộc để được xét cử tuyển. Thậm chí, có tình trạng một bộ phận sinh viên diện cử tuyển đã phá bỏ cam kết để tìm việc ở thành phố, ngược lại, có địa phương cử học sinh đi học khi trở về lại không nhận, không sử dụng hết nguồn cán bộ đã được đào tạo dẫn đến lãng phírất lớn.
* *Chính sách ưu tiên điểm đối với thí sinh thi tuyển đầu vào các trường đại học, cao đẳng* được quy định theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy đặt ra là*chính sách cộng thêm điểm* có thể đã làm giảm chất lượng đầu vào ở một số trường đại học, cao đẳng.
* *Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí đối với học sinh dân tộc bán trú địa bàn các xã đặc biệt khó khăn; Chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục* đối với nhà giáo hiện cũng chưa đủ mạnh để tạo điều kiện cho nhà giáo và cán bộ quản lý yên tâm cống hiến và chưa tạo thành động lực để thu hút nhà giáo tình nguyện sẵn sàng công tác ở bất cứ vùng, miền nào trên đất nước ta, điều đó đã dẫn đến thực trạng nơi thừa, nơi thiếu giáo viên.

Trước tình trạng đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng chính sách giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2020 với các trọng tâm:

* Tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở giáo dục; Triển khai chương trình, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp; Nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Tổ chức tốt các hình thức giáo dục nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, quan tâm đời sống của đội ngũ giáo viên (trong đó có chính sách đặc thù cho các vùng dân tộc và miền núi); Tăng tỷ lệ ngân sách cho giáo dục vùng dân tộc.
* Xây dựng và bổ sung chính sách phù hợp bao gồm: chính sách về tuyển sinh đào tạo và sử dụng sau đào tạo; về đãi ngộ, phát triển, luân chuyển đội ngũ giáo viên các cấp; về tài chính và huy động nguồn lực đầu tư; chú trọng ưu đãi cho cán bộ công tác ở các sở, phòng giáo dục và đào tạo vùng đặc biệt khó khăn.
* Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lý.
* Vận động sâu rộng toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo (xã hội hóa giáo dục đào tạo).

Để thực hiện tốt quan điểm, định hướng của Đảng về đổi mới giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và ngành giáo dục - đào tạo là rất nặng nề và cần tập trung hoàn thiện chính sách giáo dục và đào tạo theo những hướng sau:

*Trước hết,* công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo cần đổi mới theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu đang đặt ra và phù hợp với phương thức quản lý công mới. Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ phải xem xét, thống nhất công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và dạy nghề về một hệ thống cơ quan quản lý nhà nước. Bởi, hiện nay, lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý; dạy nghề giao cho Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý. Chính vì vậy, trong thực tiễn đã phát sinh nhiều bất cập, như: hoạt động dạy và học tại các cơ sở dạy nghề; hoạt động phân luồng học sinh vào các cơ sở dạy nghề… Một vấn đề bất cập nữa cần sửa đổi, là phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cùng với việc giao quyền tự chủ thực sự cho các cơ sở giáo dục. Cụ thể là: Chính phủ ban hành Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP, ngày 30-6-2004, quy định về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo; Nghị định số 115/2010/NĐ-CP, ngày 24-12-2010, quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV về tự chủ trong giáo dục. Tuy nhiên, các quy định này còn chung chung, làm cho các cấp quản lý và các cơ sở giáo dục còn nhiều lúng túng, khó khăn trong thực hiện, dẫn đến hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo thấp.

*Hai là,* Nhà nước cần sớm cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp thành cơ chế, chính sách cụ thể. Bởi, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp là nhân tố đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục. Mặc dù, trong nhiều năm qua, giáo dục và đào tạo được xác định là “quốc sách hàng đầu”, nhưng chế độ chính sách đối với những người trực tiếp thực hiện sự nghiệp này thì hoàn toàn chưa xứng đáng, dẫn đến hiện tượng “chảy máu chất xám”.

*Ba là*, Nhà nước cần coi việc hoàn thiện chính sách đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp, đặc biệt quan tâm đến lực lượng hiện đang công tác tại các vùng có đồng bào dân tộc, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo làm động lực để thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo của công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà nước cần kiện toàn hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp. Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tế và xu hướng tiến bộ trên thế giới. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục. Khuyến khích giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng vượt chuẩn.

*Bốn là,* Đảng và Nhà nước cần cụ thể hóa trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong triển khai thực hiện quan điểm đổi mới toàn diện nền giáo dục và đào tạo đã được Đại hội XI xác định. Việc quy định trách nhiệm của từng cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện nền giáo dục phải theo hướng cụ thể, xác định rõ trách nhiệm tới từng cá nhân, tổ chức; đồng thời, phát huy được tính tự chủ, sáng tạo của từng cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện quan điểm, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo ở địa phương mình và dành sự quan tâm thỏa đáng cho giáo dục và đào tạo theo đúng quan điểm “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”./.

e) Chính sách xoá đói giảm nghèo

* **Khái niệm chính sách xóa đói giảm nghèo**
* Chính sách giảm nghèo là những quyết định, quy định của nhà nước nhằm cụ thể hóa các chương trình dự án cùng với nguồn lực, vật lực, các thể thức, quy trình hay cơ chế thực hiện nhằm tác động đối tượng cụ thể như người nghèo, hộ nghèo hay xã nghèo với mục đích cuối cùng là xóa đói giảm nghèo
* Chính sách giảm nghèo được phân loại dựa trên các tiêu chí khác nhau. Dựa trên phạm vi ảnh hưởng của chính sách, chính sách giảm nghèo được phân thành chính sách tác động gián tiếp và chính sách tác động trực tiếp đến xóa đói giảm nghèo.
* Căn cứ vào bản chất đa chiều của đói nghèo, chính sách giảm nghèo được chia làm: (i) nhóm chính sách nhằm tăng thu nhập cho người nghèo; (ii) nhóm chính sách tăng cường các khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; (iii) nhóm chính sách giảm thiểu rủi ro và nguy cơ dễ bị tổn thương; (iv) nhóm chính sách tăng cường tiếng nói cho người nghèo.
* **Mục tiêu của chính sách xóa đói giảm nghèo:**
* Mục tiêu của chính sách giảm nghèo là hỗ trợ và giúp đỡ người nghèo thoát nghèo cả dưới góc độ nghèo về vật chất và nghèo con người và nghèo về xã hội. Các chính sách giảm nghèo đều hướng tới mục tiêu là nâng cao phúc lợi cho người nghèo, tăng cường các khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo. Mỗi một chính sách cụ thể sẽ có những mục tiêu cụ thể và rõ ràng hơn.
* **Lý do vì sao chính sách xóa đói giảm nghèo là chìa khóa then chốt giải quyết các vấn đề cấp bách của xã hội:**
* Xóa đói giảm nghèo là một trong những vấn đề xã hội được các quốc gia đặt vào vị trí ưu tiên cần được giải quyết trong phát triển xã hội và là một trong những chính sách quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội ở các quốc gia trên thế giới. Để thực hiện mục tiêu này thì chính sách giảm nghèo sẽ là một trong các chính sách quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội.
* Chính sách xã hội là hệ thống các chính sách tạo phúc lợi cho mọi công dân. Muốn nâng cao phúc lợi cho công dân, trước hết, người dân phải thoát khỏi đói nghèo. Một khi trong xã hội còn bộ phận người nghèo đói, không thể nói là xã hội đã mang phúc lợi đến cho mọi người và không đảm bảo công bằng xã hội.
* Chính sách xóa đói giảm nghèo tạo cơ hội tối thiểu nhất cho bộ phận người dân yếu thế thoát khỏi nghèo đói kinh niên, có được cơ hội về thu nhập, cơ hội tiêu dùng với tư cách như là con người sống trong xã hội.
* Chính sách xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tăng trưởng kinh tế bền vững phải đạt được mục tiêu về kinh tế và tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần đảm bảo công bằng xã hội, giảm việc phân hóa giàu nghèo; tạo điều kiện việc làm, sản xuất kinh doanh cho người nghèo từ đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế.
* **Tình hình thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo**
* Từ thời kỳ đổi mới cho đến nay, mục tiêu XĐGN được đặt lên hàng đầu. Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đàng đã ghi rõ: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói nghèo, thừa nhận một bộ phận dân cư giàu lên trước là cần thiết cho sự phát triển, đồng thời có chính sách về mọi mặt tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả… Các vùng giàu, vùng phát triển phải cùng nhà nước giúp đỡ lôi cuốn các vùng nghèo, vùng chậm phát triển để cùng vươn lên, vùng sâu, vùng đồng bào thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây”.
* XĐGN trở thành một bộ phận quan trọng của chính sách quốc gia kể từ Đại hội VIII của Đảng. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực XĐGN, thu hẹp dần khoảng cách và trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư”. Trên quan điểm đó, Nghị quyết của Đại hội đã đưa ra định hướng phải “Thực hiện tốt chương trình XĐGN nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ XĐGN bằng nhiều vốn trong và ngoài nước, quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả”.
* Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ cần tiếp tục: “Thực hiện chủ trương XĐGN thông qua các biện pháp cụ thể sát với tình hình địa phương sớm đạt được mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo”.
* Đại hội X của Đảng chỉ ra “Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo. Trên quan điểm đó, Đại hội đưa ra định hướng tiếp tục chương trình XĐGN là “Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện XĐGN theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả tài trợ quốc tế; Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tái nghèo.
* Đại hội XI của Đảng đưa ra mục tiêu là “Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân”.
* Những quan điểm định hướng trên của Đảng đã được cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản pháp luật về cơ chế chính sách, các chương trình dự án cho việc thực hiện công tác XĐGN. Sự hình thành và phát triển của hệ thống chính sách giảm nghèo của Việt Nam có thể chia làm các giai đoạn sau: giai đoạn 1998 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 và từ năm 2011 cho đến nay.
* Năm 1998 đánh dấu một bước tiến mới đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, đó là ban hành “Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 – 2000” bao gồm cả công tác định canh, định cư và hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi, phù hợp để hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Đây có thể coi là chính sách trực tiếp đầu tiên liên quan đến giảm nghèo. Bên cạnh đó chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (QĐ 135/1998/QĐ – TTg) ra đời nhằm nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng
* Giai đoạn 2001 – 2005: Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 – 2005 bao gồm có các chính sách và nhóm dự án. Các chính sách gồm: chính sách hỗ trợ về y tế; Chính sách hỗ trợ về giáo dục; Chính sách an sinh xã hội và trợ cấp các đối tượng yếu thế; chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở; chính sách hỗ trợ công cụ và đất đai sản xuất cho người nghèo. Dự án thuộc Chương trình gồm: Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh; Dự án Hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; Dự án Xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc biệt (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang ven biển, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long); Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo; Dự án Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo; Dự án đào tạo , bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo; Dự án ổn định dân di cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo (bao gồm: ổn định dân di cư tự do, di dân xây dựng vùng kinh tế mới phân bố lại dân cư theo quy hoạch; các dự án của chương trình 773 cũ thuộc ngành nông nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1123/CP-NN ngày 6/12/2000 về việc chuyển dự án thuộc chương trình 773); Dự án định canh định cư ở các xã nghèo
* Ngoài “Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm” giai đoạn 2001 – 2006 còn có các dự án về việc làm gồm: Dự án Tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; Dự án Nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm; Dự án Điều tra, thống kê thị trường lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động; Dự án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết việc làm
* Giai đoạn 2006 – 2010 tiếp tục thực hiện các chính sách của giai đoạn 2001 – 2005 trong “Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và việc làm” có chỉnh sửa và bổ sung cho giai đoạn này. Chương trình 135 giai đoạn 2 tiếp tục được triển khai. Bên cạnh đó chính phủ triển khai Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh có số hộ nghèo trên 50% theo Nghị quyết 30a ngày 27/12/2008. Theo nghiên cứu của UNDP (UNDP, 2009), đến năm 2009, nước ta có 41 chính sách và dự án định hướng vào việc giảm nghèo, kể cả một số chính sách, dự án không tập trung vào giảm nghèo nhưng lại có tác động vào cuộc sống của người nghèo như Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình MTQG về Giáo dục và Đào tạo.
* Giai đoạn 2011 - 2015, Ngân sách Trung ương đã bố trên 32 nghìn tỷ đồng, huy động thêm nguồn lực từ xã hội khoảng hơn 10 nghìn tỷ đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Cùng với nguồn lực của Trung ương, các địa phương đã chủ động bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo trên địa bàn, như: Chính sách tín dụng ưu đãi; mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo và hỗ trợ mệnh giá bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo; chính sách hỗ trợ trong giáo dục - đào tạo; chính sách hỗ trợ nhà ở; chính sách trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

Thành tựu và hạn chế:

* Với những giải pháp đồng bộ về chính sách và ưu tiên nguồn lực, tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 14,2% năm 2010 xuống còn 11,76% cuối năm 2011 (giảm 2,24%), 9,6% cuối năm 2012 (giảm 2,16%) và 7,8% cuối năm 2013 (giảm 1,8%). Đến cuối năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 1,8 - 2%/năm (từ 7,8% xuống còn 5,8 - 6%); dự kiến đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn dưới 5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.
* Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 50,97% cuối năm 2011 xuống còn 38,2% cuối năm 2013, ước còn khoảng 33,20% cuối năm 2014; bình quân giảm trên 5%/năm. Như vậy, trong những năm qua, bình quân tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước giảm 2%/năm, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân trên 5%/năm, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra theo Nghị quyết số 80/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 - 2020 và Quyết định số 1489/QĐ-TTg phê duyệt nội dung chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015.
* Bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, tỷ lệ tái nghèo hàng năm còn cao, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, nhưng nhiều nơi tỷ lệ nghèo vẫn còn trên 50%, cá biệt còn trên 60 - 70%. Số hộ nghèo là dân tộc thiểu số chiếm gần 50% tổng số hộ nghèo trong cả nước, thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của cả nước…

**CÂU 7: Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, tôn giáo và tình hình dân tộc, tôn giáo ở nước ta. Anh (chị) hãy phân tích sự vận dụng của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam?**

Dàn ý:

* Quan điểm của chủ nghĩa Mác – lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo

+ Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – lênin và quan điểm của chủ tịch Hồ Chí inh.

+ Quan điểm về giải quyết vấn đề tôn giáo của Đảng

* Tình hình dân tộc, tôn giáo ở nước ta
* Quan điểm của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

+ Chính sách dân tộc ( Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khoá 9)

+ Chính sách tôn giáo ( Nghị quyết 25 – NQ/TW khoá 9)

**Giải quyết vấn đề:**

**1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo**

***\* Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – lênin và quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh. (SGK tr 226).***

Lê Nin đã nêu ra Cương lĩnh dân tộc: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại. Cương lĩnh dân tộc của Lenin có 3 nội dung:

Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của các dân tộc trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là các dân tộc dù lớn hay nhỏ, không phân biệt trình độ cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và đi áp bức dân tộc khác.

Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết. Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối via vận mệnh của dân tộc mình, trong đó có quyền quyết định chế độ chính trị - XH và con đường phát triển của dân tộc mình; quyền tự do độc lập về chính trị tách ra thành một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc; quyền tự nguyện hiệp lại via các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi để có sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia, dân tộc.

Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc. Đây là tư tưởng cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của Lê nin, phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, đồng thời phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc via giải phóng giai cấp. nó đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động trong các dân tộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành quyền tự quyết, giành độc lập dân tộc và tiến bộ XH.

**Theo C.Mác và Ăngghen “**Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, là một sự tự ý thức, tự cảm giác của con người về thế giới xung quanh mình và về chính bản thân họ”.

Hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng tôn thờ. Dẫn lại từ Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia HCM (2014), *Giáo trình TCLLCT-HC – Đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội. Tr 241.

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh

* Nước có độc lập thì tín ngưỡng mới có tự do, nước có vinh thì đạo mới sáng.
* Gắn đức tin với lòng yêu nước, yêu Tổ quốc.
* Muốn độc lập dân tộc cần phải đoàn kết lương, giáo
* Lấy lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích vật chất và tinh thần của toàn dân làm mẫu số chung để thực hiện chính sách đoàn kết lương, giáo, hòa hợp dân tộc.

Muốn đoàn kết lương, giáo phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời chống lợi dụng tôn giáo.

***\* Quan điểm về giải quyết vấn đề tôn giáo của Đảng (NQ 25-NQ/TW 12/3/2003)***

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thực hiện phương hướng trên, các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cấp, các ngành cần thống nhất nhận thức về các quan điểm và chính sách sau đây :

1- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

2-Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

3- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

*4- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.*

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

*5- Vấn đề theo đạo và truyền đạo.*

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

 Các *tổ chức tôn giáo* được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**2. Tình hình dân tộc, tôn giáo ở nước ta**

**a) Tình hình dân tộc ở Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, bao gồm 54 dân tộc. Dân tộc Kinh có số lượng hơn 73 triệu người, chiếm gần 86% dânsố cả nước, còn lại là dân tộc ít người phân bố rải rác trên địa bàn cả nước, cư trú chủ yếu ở miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới.

Cộng đồng các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, gắn bó lâu đời trong quá trình đấu tranh dựng và giữ nước của dân tộc. Đây là một truyền thống được hun đúc gắn liền với quá trình đấu tranh chống thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm nhiều thế kỷ. Chính quá trình gắn bó lâu dài, chung lưng đấu cật, chia ngọt sẻ bùi của các dân tộc anh em đã tạo nên truyền thống đoàn kết, yêu nước của cả cộng đồng dân tộc VN.

Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, nhưng không có sự phân chia lãnh thổ và chế độ xã hội riêng.Hình thái cư trú xen kẽ nhiều dân tộc anh em, phản ánh mối quan hệ đoàn kết, thống nhất của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong một quốc gia. Những năm gần đây, gắn liền với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tính chất đan xen đó càng tăng lên. Hiện nay, ở miền núi hầu như không có tỉnh, huyện nào chỉ có một cồng đồng hai dân tộc sinh sống, như: Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Lâm Đồng… Do địa bàn cư trú, phong tục tập quán và tâm lý, lối sống của các dân tộc, nên trình độ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, miền dân tộc không đồng đều. Một số dân tộc có dân số ít, ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp khó khăn, như: Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ơ Đu…

*Các dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng, phong phú, thống nhất.* Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán, tâm lý, lối sống, tín ngưỡng tôn giáo mang tính đặc thù, tạo nên những sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc, tồn tại và phát triển trong tính đa dạng và thống nhất của nền văn hóa các dân tộc Việt Nam. Bản sắc VH có các giá trị đặc trưng mang tính bền vững, trường tồn, trừu tượng và tiềm ẩn. Nghị quyết Hội nghị TƯ 5 khóa VIII của Đảng chỉ rõ: Bản sắc VH của dân tộc VN bao gồm những giá trị bền vững, nhưng tinh hoa vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước trở thành những nét đặc sắc của cộng đồng dân tộc VN, con người VN.

*Địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và bảo vệ bền vững môi trường sinh thái.* Đồng bào cư trú suốt dọc tuyến biên giới phía Bắc, Tây và Tây Nam, có nhiều cửa ngõ thông thương giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây là địa bàn có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, có hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước và bảo vệ bền vững môi trường sinh thái. Trong tình hình hiện nay, miền núi là địa bàn tiềm năng, mang tính chiến lược, cơ bản cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kinh tế ở miền núi, các dân tộc thiểu số còn chậm phát triển, tình trạng du canh, du cư, di dân tự do vẫn còn diễn biến phức tạp. Kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, dịch vụ) ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng vẫn còn khó khăn, nhiều nơi môi trường sinh thái tiếp tục bị suy thoái.

Tỉ lệ hộ đói nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi cao hơn so với bình quân chung cả nước, khoảng cách chênh lệch về mức sống, về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, giữa các vùng ngày càng gia tăng; chất lượng, hiệu quả về giáo dục đào tạo còn thấp, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một, một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển.

Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn yếu, tỉ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học thấp. Năng lực, trình độ cán bộ xã, phường còn hạn chế, số lượng đảng viên là người dân tộc thiểu số thấp, vẫn còn thôn bản chưa có đảng viên. Hoạt động của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và đoàn thể ở nhiều nơi chưa sát dân, chưa tập hợp được đồng bào.

- Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng những khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động tư tưởng ly khai, tự trị, phá hoại truyền thống đoàn kết và thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, gây mất ổn định chính trị, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm.

**b) Tình hình tôn giáo ở Việt Nam**

Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng tôn giáo. Nước ta hiện nay có 6 tôn giáo được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức gồm: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Đạo Hồi; với hơn 20 hệ phái khác nhau. Tổng số tín đồ có khoảng 20 triệu người, chiếm gần 20% dân số cả nước; khoảng 10 vạn chức sắc tôn giáo, trong đó có 5 vạn hoạt động chuyên nghiệp. Các chức sắc, tín đồ tôn giáo đều có tinh thần gắn bó dân tộc. Từ khi Đảng CSVN ra đời đã có nhiều tín độ trở thành đảng viên CS, thành những chiến sĩ kiên cường, dũng cảm hy sinh cho Tổ quốc, nhiều nhà sư, linh mục đã đi theo kháng chiến, nhiều chùa chiền và thánh thất là nơi nuôi giấu, che chở cho cán bộ cách mạng.

Ngày nay, các tổ chức giáo hội đều tuân theo Hiến pháp và pháp luật, mong muốn đất nước được ổn định và phát triển. Tuy nhiên vấn đề tôn giáo vẫn còn nhiều phức tạp như trình độ nhận thức của tín đồ còn nhiều hạn chế, bị lệ thuộc nặng vào thần, giáo lý từ đó bị một số người lợi dụng để gây rối, một số giáo sĩ chức sắc do điều kiện lịch sử để lại thể hiện thái độ mặc cảm với XH mới nên thường chống đối lại cách mạng. Điển hình như sự kiện chính trị - XH diễn ra tháng 2/2001, vụ gây rối ngày 1/4/2004 xảy ra ở một số tỉnh Tây Nguyên đã cho thấy các thế lực phản động vẫn không từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo phá hoại sự nghiệp XD hòa bình của dân tộc VN.

Tôn giáo là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm, dễ bị kích động. Có chính sách tôn giáo đúng đắn, giải quyết tốt vấn đề tôn giáo là góp phần quan trong vào việc củng cố khối đại đoàn kết nhân dân. Trên quan điểm lý luận của CN Mác – Leenin, thời gian qua, cùng với việc ban hành các chủ trương, chính sách đổi mới về KT, ổn định về chính trị, Đảng và NN ta đã và đang từng bước XD và hoàn thiện các chính sách, pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo, khẳng định quan điểm nhất quán trước sau như một của Đảng và NN ta trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó bao hàm cả quyền tự quyết tự do không tin ngương, tôn giáo, quyền thay đổi tôn giáo một cách tự nguyện của nhân dân. Điều 70 của Hiến pháp năm 1992 chỉ rõ: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của NN”.

Đại hội IX của Đảng ta khẳng định: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, VH, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị tốt đẹp về VH, dạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của NN, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

**3. Quan điểm của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam**

**\* Chính sách dân tộc: (Nghị quyết 24-NQ/TW của BCH TW khoá 9 về công tác dân tộc)**

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xoá đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái.

- Phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu và hoạt động chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch, giữ gìn chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị và trật tự an toàn XH vùng dân tộc, biên giới, hải đảo.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

**\* Quan điểm, chính sách của Đảng và NN VN đối với tôn giáo, tín ngưỡng**

Nghị quyết 25– NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành TW Đảng khoá IX đã đưa ra 5 quan điểm như sau:

1- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

3- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

4- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

5- Vấn đề theo đạo và truyền đạo. Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**CÂU 8: “ Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”. (Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, 1996, tập 10, trang 310) Anh (chị) hãy phân tích làm sáng tỏ quan điểm trên của chủ tịch Hồ Chí Minh? Nêu những định hướng và giải pháp lớn nhằm phát huy nhân tố con người phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay?**

Dàn ý:

* Phân tích vai trò, vị trí của nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.
* Phân tích quan điểm thứ 3 của nghị quyết 33 Hội nghị TW9, Khóa XI của Đảng. Liên hệ nhiệm vụ và giải pháp xây dựng con người văn hóa.

**Giải quyết vấn đề**

**1. Phân tích vai trò, vị trí của nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.**

***a. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực kinh tế***

Trong lĩnh vực kinh tế, cần xem xét con người với tư cách là lực lượng sản xuất và vai trò trong quan hệ sản xuất.

Trong bất cứ xã hội nào, người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất. Ngày nay, khoa học và công nghệ ngày càng phát triển, hàm lượng chất xám trong giá trị hàng hoá ngày càng cao, thì vai trò của người lao động có trí tuệ lại càng quan trọng trong lực lượng sản xuất. V.I. Lênin đã chỉ ra: *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động*"

Con người khi được làm chủ những tư liệu sản xuất, được đào tạo một cách chu đáo những kiến thức quản lý kinh tế sẽ có điều kiện khai thác một cách có hiệu quả tiềm năng đất đai, biết kết hợp các yếu tố của quá trình sản xuất như huy động vốn, động viên khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, quản lý chặt chẽ nguyên liệu vật tư, do vậy, hiệu quả sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn. Ngày nay vai trò người quản lý trong sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng, do vậy, các quốc gia thường rất quan tâm tới đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ này.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, người lao động đã trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ trong quá trình tổ chức quản lý sản xuất, từ việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tới tổ chức sản xuất kinh doanh và làm chủ trong quá trình phân phối sản phẩm. Điều đó tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát huy nguồn lực con người, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

***b. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị***

Từ khi giai cấp công nhân và đảng của nó lãnh đạo toàn xã hội thì con người đã được giải phóng khỏi áp bức dân tộc, áp bức giai cấp, trở thành người làm chủ đất nước, nhân dân tự tổ chức thành nhà nước dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản, Hồ Chí Minh nhiều lần lưu ý rằng, nước ta phải đi đến dân chủ thực sự, "Chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội, để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện *dân chủ thực sự*”

Xét nguồn lực con người trên phương diện chính trị, khi mà người dân có tri thức, có năng lực, thấy được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn những người có đức có tài vào các cơ quan nhà nước sẽ góp phần xây dựng nhà nước vững mạnh.

Cán bộ nhà nước có hiểu biết lý luận, hiểu biết thực tiễn, thấy được trách nhiệm của mình đối với nhân dân, sẽ hết lòng phụng sự nhân dân và thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân sẽ được dân mến, dân tin, dân ủng hộ.

Cán bộ tích cực tuyên truyền đường lối của đảng, phổ biến luật pháp của nhà nước đến nhân dân, làm cho dân hiểu dân tin; người dân chủ động tích cực thực hiện đường lối đó, có ý thức tôn trọng luật pháp, thực hiện những nghĩa vụ công dân, hiểu rõ quyền lợi của mình, kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội sẽ làm tăng sức mạnh của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nói về vai trò của quần chúng tham gia công việc của Nhà nước, Hồ Chí Minh đã viết: khi người dân "... *biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*" "thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ".

Có thể khẳng định, nguồn lực con người là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân; trong quá trình đấu tranh bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

***c. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hoá***

Dưới chủ nghĩa xã hội nhân dân lao động đã trở thành người làm chủ trong đời sống văn hóa xã hội. Hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình do nhà nước quản lý nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho quần chúng nhân dân lao động.

Mặt khác, quần chúng nhân dân lao động cũng là những người góp phần xây dựng nên những công trình văn hoá, những người sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật.

Một khi, con người có tri thức, có hiểu biết về các hình thức nghệ thuật, sẽ tham gia sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao như: những bộ phim hay, những điệu múa đẹp, những tác phẩm văn học có nội dung phong phú, v.v.. Những công trình văn hóa, nghệ thuật như vậy dễ đi vào lòng người, có tác dụng giáo dục đạo đức, góp phần hình thành nhân cách cho mỗi con người trong xã hội.

Con người có văn hoá cũng là những người có nghĩa vụ bảo tồn những di sản văn hoá tinh thần của đất nước, của nhân loại. Do vậy, nếu mỗi con người có ý thức, năng lực thực hiện tốt công việc này, thì những giá trị văn hoá tinh thần, giá trị văn hoá vật chất của xã hội được bảo tồn, lưu giữ, được nâng cao.

Trong điều kiện giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, mỗi con người chúng ta có điều kiện tiếp cận với nền văn hoá nhiều nước trên thế giới. Trình độ tri thức của mỗi người về văn hoá sẽ là tiền đề cho họ tiếp nhận những giá trị tốt đẹp của dân tộc khác, loại bỏ những yếu tố không phù hợp để làm giàu cho nền văn hoá dân tộc mình, làm phong phú đời sống tinh thần cá nhân.

Con người có tri thức khoa học, có năng lực nghiên cứu tạo ra những khả năng cho họ có những đóng góp xứng đáng trong sự phát triển khoa học của đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức, tạo điều kiện cho họ cống hiến hết khả năng trí tuệ cho đất nước, cho sự phát triển của xã hội.

***d. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực xã hội***

Những vấn đề xã hội bao gồm: Vấn đề lao động việc làm, thực hiện công bằng xã hội, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, v.v. Muốn giải quyết tốt những vấn đề này, đòi hỏi chúng ta phải phát huy tốt vai trò nguồn lực con người.

Giải quyết lao động việc làm là một vấn đề được từng gia đình, toàn xã hội chúng ta quan tâm, vì có giải quyết tốt vấn đề lao động việc làm mới phát huy được những thế mạnh của đất nước, mới giải quyết tốt được những vấn đề xã hội khác. Song, muốn giải quyết tốt vấn đề lao động việc làm, đòi hỏi chúng ta phải nâng cao chất lượng nguồn lực con người từ nâng cao sức khoẻ, trình độ học vấn, tay nghề, năng lực quản lý, tới ý thức chính trị cho người lao động.

Chính sách xoá đói giảm nghèo là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Chính sách này chỉ phát huy hiệu quả khi chính những người nghèo thấy được trách nhiệm của mình, cố gắng nỗ lực phấn đấu vươn lên, đồng thời được sự đồng tình ủng hộ của toàn xã hội, sự trợ giúp của Nhà nước, v.v.

Như vậy, con người không chỉ là chủ thể của hoạt động sản xuất vật chất, mà còn là chủ thể của quá trình sản xuất tinh thần của xã hội. Bằng hoạt động thực tiễn, trước hết là lao động sản xuất, con người cải tạo tự nhiên, biến đổi xã hội, bắt tự nhiên phục vụ cho mình, và làm đẹp cho tự nhiên; đồng thời trong quá trình đó con người cải tạo chính bản thân mình. Do vậy, sự phối hợp giữa các thành viên trong cộng đồng đó cũng tạo ra sức mạnh to lớn trong việc phát huy nguồn lực con người để nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội. Ngược lại, sự thiếu thống nhất, sự phối hợp không đồng bộ của các thành viên trong xã hội cũng sẽ làm giảm đi, thậm chí triệt tiêu cả động lực phát triển tự nhiên và xã hội.

Nguồn lực con người, xét về mỗi cá nhân, còn là những yếu tố tiềm năng cấu thành con người có thể được khai thác. Nhưng hiệu quả việc phát huy nguồn lực con người lại tuỳ thuộc vào chế độ xã hội, tuỳ thuộc vào cách tổ chức xã hội, phụ thuộc vào năng lực và nghệ thuật của người quản lý xã hội, phụ thuộc vào cơ chế và chính sách xã hội.

Nguồn lực con người không khai thác, không phát huy được là lãng phí lớn nhất. Đặc biệt là với đội ngũ trí thức càng hoạt động, càng nghiên cứu, càng làm việc trí tuệ của họ càng đa dạng, càng phong phú và sâu sắc. Nước ta đang còn là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, thì việc phát huy nguồn lực con người để xây dựng đất nước càng trở nên quan trọng.

**2. Phân tích quan điểm thứ 3 của nghị quyết 33 Hội nghị TW9, Khóa XI của Đảng. Liên hệ nhiệm vụ và giải pháp xây dựng con người văn hóa.**

Quan điểm thứ 3: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Từ khi nước ta tiến hành đổi mới đến nay, về văn hóa và con người, Việt Nam đã có nhiều mặt tiến bộ đáng kể. Đời sống vật chất và tinh thần có nhiều mặt khá hơn trước; giáo dục phát triển mạnh về quy mô, số lượng, mạng lưới, trình độ học vấn của nhân dân cao hơn, đã phổ cập trung học cơ sở và xóa mù chữ trên toàn quốc; con người ngày càng tiếp cận nhiều hơn với các nguồn thông tin đa dạng và nhiều chiều, từ đó mà kiến thức và nhận thức nhiều mặt đã nâng lên. Vấn đề con người và quyền con người được quan tâm hơn, thể hiện trong Cương lĩnh, Hiến pháp và luật pháp. Tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc cơ bản được giữ vững; các phong trào xóa đói giảm nghèo, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở... đạt những kết quả đáng ghi nhận; các ấn phẩm văn học, nghệ thuật có phát triển về số lượng, quy mô phát hành, phong phú về đề tài và phương thức thể hiện...

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất là đạo đức xã hội có nhiều mặt xuống cấp, trong đó, có mặt nghiêm trọng đáng báo động. Tiêu cực và tội phạm gia tăng. Nạn cướp của, giết người, hãm hiếp và buôn bán phụ nữ, trẻ em; sự giả dối, lừa gạt, hàng giả, thuốc chữa bệnh giả, thực phẩm độc hại; buôn bán ma túy, phá rừng, đổ chất độc hại ra môi trường, tội phạm là phụ nữ và trẻ em tăng lên. Nạn tham nhũng chưa được đẩy lùi mà có mặt còn phức tạp và nghiêm trọng hơn, gây nhức nhối, mặc dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương và mấy năm gần đây quyết liệt hơn trong chỉ đạo cụ thể. Việc chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy dự án còn diễn ra phức tạp. “Văn hóa phong bì” còn khá phổ biến. Kinh tế thị trường còn nhiều chụp giật. Các biểu hiện lợi ích nhóm, lũng đoạn kinh tế rất đáng lo ngại. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa, trong đó có cả cán bộ trung, cao cấp như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đã chỉ ra. Các tệ nạn tiêu cực xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả ở những nơi đáng ra phải luôn trang nghiêm, trong sạch (như nơi thiêng liêng về tâm linh, tín ngưỡng, thờ tự….).

Tình trạng đạo đức xã hội sa sút, nhân cách con người đáng ra phải luôn ở vị trí hàng đầu, trung tâm thì trong nhiều trường hợp đã xuống hàng thứ yếu, trong khi đồng tiền lại lên ngôi, chi phối nhiều mặt, nhiều việc. Vì tiền, con người ta đã vi phạm đạo đức, kể cả làm việc ác (giết người).

Để khắc phục tình hình nói trên, việc trước tiên là tiếp tục nhận thức sâu hơn tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa, đạo đức trong đời sống xã hội, trong xây dựng hệ thống chính trị.

*Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 9 khóa XI về văn hóa đã đưa ra quan điểm: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.*

Quan điểm này cho thấy, mối liên hệ bên trong mật thiết, gắn bó chặt chẽ, không thể tách rời giữa văn hóa với con người, giữa con người với văn hóa. Về thực chất, phát triển văn hóa là phát triển con người, lấy phát triển con người là trọng tâm. Phát triển con người không chỉ tạo ra chất lượng nguồn nhân lực để phát triển văn hóa mà con người với năng lực sáng tạo, trình độ học vấn, tiềm lực trí tuệ, phẩm giá đạo đức, lối sống của nó, tựu trung lại là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người là mục đích, mục tiêu của phát triển văn hóa.

Xét theo quan điểm giá trị thì hệ giá trị Chân - Thiện - Mỹ của văn hóa cũng chính là hệ giá trị phát triển con người, con người vừa với tư cách là chủ thể mang nhân cách của chính mình, phản ánh những chuẩn mực, yêu cầu của mẫu nhân cách xã hội vừa với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa, sản xuất ra văn hóa dưới dạng các sản phẩm, các giá trị, đồng thời là chủ thể quản lý, cảm thụ, tiêu dùng văn hóa, thực hiện các hoạt động quảng bá, giao lưu văn hóa, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa để phát triển xã hội, phát triển chính mình. Con người là chủ nhân đích thực của sáng tạo văn hóa, cả văn hóa vật chất (vật thể) lẫn văn hóa tinh thần (phi vật thể).

Con người sáng tạo ra văn hóa và chính văn hóa lại tác động sâu xa, rộng lớn tới phát triển con người, hoàn thiện nhân cách, nhân tính. Có thể nói, con người là giá trị văn hóa cao nhất, giá trị của mọi giá trị. Hoàn thiện nhân cách, nhân tính của con người là sứ mệnh của văn hóa, là nỗ lực cao nhất mà sáng tạo văn hóa cần đạt đến, mà mọi thành quả, thành tựu của văn hóa đều góp phần vào sự bộc lộ các năng lực người, khẳng định sức mạnh bản chất người của con người trong phát triển, từ cá thể người đến cộng đồng người trong dân tộc và trong nhân loại. Văn hóa có cốt lõi của nó là đạo đức, mà đức là gốc của nhân cách.

Xây dựng và phát triển văn hóa để hoàn thiện nhân cách con người phải làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống, mọi quan hệ xã hội của con người.

Con người Việt Nam phải là những con người yêu nước. Trong xây dựng văn hóa cần quan tâm thường xuyên việc xây đắp lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Nhờ đặc điểm này của văn hóa Việt Nam mà chúng ta đã giữ được nước, lấy lại được nước sau bao nhiêu lần bị kẻ thù mạnh hơn ta rất nhiều đến xâm lược và đô hộ; nhờ đó mà chúng ta không bị đồng hóa qua một nghìn năm Bắc thuộc. Ngày nay cũng cần phải lấy tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc làm bàn đạp và chỗ dựa để tiến lên, phát triển.

Con người Việt Nam phải có lòng nhân ái. Trong quá khứ, người Việt Nam đã biết yêu thương, đùm bọc nhau, nhất là mỗi khi có khó khăn, sóng gió, hoạn nạn. Trong tương lai, để có một xã hội thật sự tốt đẹp như mong muốn của Bác Hồ, của Đảng và nhân dân ta, lòng nhân ái cũng sẽ là nền tảng quan trọng nhất cho sự tốt đẹp ấy trong đời sống xã hội.

Văn hóa là những giá trị thật, trong cuộc sống thực. Bệnh hình thức, bệnh thành tích, sự giả dối không bao giờ tạo ra được các giá trị văn hóa, mà ngược lại nó làm hỏng văn hóa. Con người Việt Nam phải là những con người trung thực, có tự trọng, biết xấu hổ với cha ông, với đồng bào đồng chí và với chính mình.

*Để phát triển văn hóa và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam theo đúng quan điểm, mục tiêu, phương hướng, giải pháp mà Đảng đã xác định, trong tình hình hiện nay của nước ta và trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, cần phải tập trung triển khai thực hiện những công việc cụ thể, thiết thực, có ích cho nước, có lợi cho dân, những việc làm thực tế, hợp với ý nguyện của lòng dân:*

Phải sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất, tinh thần từ công sức, mồ hôi nước mắt, sức sáng tạo của dân mà có được để phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân, giải quyết nạn thất nghiệp đang nhức nhối trong xã hội hiện nay, bởi hàng vạn sinh viên tốt nghiệp không có việc làm. An sinh là cái gốc của ổn định và phát triển, là tiền đề cho phát triển con người và văn hóa.

Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy lùi tham nhũng để chăm lo cuộc sống cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống và trình độ của dân, nâng cao dân trí, đảm bảo dân quyền để đi tới dân chủ. Đó là một tổng hợp chương trình, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, đó còn là chính trị, là đường lối, chính sách chính trị vì dân, cũng là văn hóa trọng dân trọng pháp rất cần trong lúc này, khi lòng dân không yên, do không ít cán bộ suy thoái, hư hỏng.

Không có văn hóa và văn hóa chính trị nào cao quý hơn khi thực hiện cho được một nguyên tắc, một phương châm hành động “làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân”, có an dân thì mới đo được kết quả của việc trị quốc. Giáo dục đạo đức, đặc biệt là giáo dục liêm sỉ, lương tâm, danh dự, giáo dục ý thức trách nhiệm đi liền với thực hành đạo đức, lối sống liêm khiết phải được coi trọng trong văn hóa của Đảng, của các tổ chức công quyền.

Cùng với giáo dục phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tính tôn nghiêm luật pháp, áp dụng chế tài mạnh mẽ để trừng phạt tất cả những người, những việc gây hại tới dân. Đó là sức mạnh của văn hóa, của chính trị đảm bảo “quang minh chính đại”. Những người tốt phải được tôn vinh, những kẻ xấu phải bị phê phán, lên án, sàng lọc khỏi bộ máy để dân tin, dân tự mình bảo vệ Đảng và chế độ. Sức mạnh của văn hóa và giá trị nhân cách con người, nhất là văn hóa trong Đảng và nhân cách văn hóa của mỗi cán bộ đảng viên ở các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và các đoàn thể luôn là chỉ số quan trọng để thuyết phục dân, lấy lại niềm tin của dân đối với Đảng, với chế độ.

Đẩy mạnh giáo dục đạo đức từ gia đình đến nhà trường và xã hội, giáo dục lý tưởng, lẽ sống và rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ phải được chú trọng, góp phần quan trọng vào công cuộc chấn hưng đạo đức, phát triển văn hóa ở nước ta.